| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN CẨM LỆ, TP. ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 120/2020/DS-ST
Ngày: 29-9-2020
*"v/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Ngọc Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Nguyễn Tấn Thức

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Thi Thị Hoàng Yến là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2020/QĐST- DS ngày 18 tháng 9 năm 2020 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T1.

Trụ sở: Lầu 8, 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh Sông Hàn: Số 240 đường Nguyễn Hữu Thọ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Triệu Kh- chức vụ: Trưởng Phòng Kiểm soát rủi ro thuộc Chi nhánh Sông Hàn (*theo Giấy ủy quyền số 159/2020/GUQ-CNSH ngày 23/4/2020 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn T1*. Ông Trần Triệu Kh có mặt.

*2. Bị đơn*: Ông Dương Anh T- Sinh năm: 1969

Địa chỉ: K130 đường Ông Ích Đ, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**.** (vắng mặt không có lý do lần thứ hai).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T1 (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín), bảng tự khai đề ngày 07/9/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:

Ngày 17/11/2018, ông Dương Anh T có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T1 - Chi nhánh Sông Hàn hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (*bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng*).

Căn cứ vào thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) với mục đích: Tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với số tiền 90.500.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 48.938.141 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện trí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (*Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*), ngày 26/4/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (*Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*). Trong quá trình hòa giải bị đơn ông Dương Anh T cam kết trả hàng tháng cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng đến khi trả hết số nợ trên.

Mặc dù ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp và yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông T trả nợ, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín đã khởi kiện ông T .

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc ông Dương Anh T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 91.646.358 đồng; trong đó: dư nợ: 77.117.421 đồng, nợ lãi: 14.528.937 đồng (tính đến ngày

29/9/2020) và ông T  phải tiếp tục chịu lãi từ ngày tiếp theo của ngày 29/9/2020 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

** Tại bản tự khai đề ngày 03/9/2020, quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, bị đơn ông Dương Anh T trình bày:*

Tôi xác nhận tính đến ngày 20/5/2020 còn nợ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T1 số tiền là 79.430.946 đồng. Trong đó: nợ gốc: 77.117.421đ, nợ lãi quá hạn: 2.313.525đ. Do hiện nay, kinh tế tôi gặp nhiều khó khăn nên không trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng. Vì vậy tôi đề nghị phía Ngân hàng tạo điều kiện để tôi được trả nợ theo phương thức trả dần: mỗi tháng tôi sẽ trả số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi trả dứt điểm số tiền nợ trên Ngân hàng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2020 thì nguyên đơn Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín yêu cầu bị đơn ông Dương Anh Ttrả số tiền nợ vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/11/2018  với mục đích vay là vay tiêu dùng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ tại: K130 đường Ông Ích Đ, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín và ông Dương Anh Tthuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Bị đơn ông Dương Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T .

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với khoản tiền dư nợ và nợ lãi:

[2.1] Căn cứ vào các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là HĐXx có cơ sở để xác định: Ngày

17/11/2018 , giữa ông T và Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng để vay số tiền 70.000.000 đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 117, 398, 401 và 463 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

[2.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu buộc ông T thanh toán cho Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín tổng số tiền là 91.646.358 đồng, trong đó: dư nợ: 77.117.421 đồng, nợ lãi: 14.528.937 đồng (tạm tính đến ngày 29/9/2020) và phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày 29/9/2020 cho đến khi thanh toán xong. HĐXX xét thấy: bị đơn ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/11/2018 đã ký kết với Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín**.** Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín đối với ông T là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký kết ngày 17/11/2018, trong Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Dương Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% x 91.646.358 = 4.582.317đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 117, 398, 401 và 463 Bộ luật Dân sự;

- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

**1.** Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T1 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với ông Dương Anh T.

**2.** Buộc ông Dương Anh T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T1 tổng số tiền là 91.646.358 đồng, trong đó: dư nợ: 77.117.421 đồng, nợ lãi: 14.528.937 đồng (tạm tính đến ngày 29/9/2020).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Ông Dương Anh Tphải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.582.317 đồng (Bốn triệu năm trăm tám mươi hai ngàn ba trăm mười bảy đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T1 số tiền tạm ứng án phí 1.985.773 đồng (Một triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn bảy trăm bảy mươi ba đồng) theo biên lai thu số 0001203 ngày 23/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

**4.** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành*

*án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Ngọc Quyên**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**